

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2013/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định doanh thu dịch vụ viễn thông***Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;**Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,**Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy định doanh thu dịch vụ viễn thông.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông, bao gồm phương pháp, số liệu để tính doanh thu dịch vụ viễn thông.

2. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông quy định tại Thông tư này được sử dụng để xác định thị phần của doanh nghiệp viễn thông, tính khoản đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và nộp phí quyền hoạt động viễn thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông.
2. Doanh nghiệp viễn thông (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp).

Điều 3. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông

1. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp (DT_{VT}) là tổng doanh thu của tất cả các dịch vụ viễn thông mà doanh nghiệp kinh doanh:

$$DT_{VT} = \sum_i^n DT_{VTi}$$

Trong đó:

a) Loại dịch vụ viễn thông **i** mà doanh nghiệp kinh doanh được quy định cụ thể tại Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18/5/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại dịch vụ viễn thông;

b) Doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông **i** (DT_{VTi}) được xác định bằng tổng của doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông (DT_{NSDi}), doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông (DT_{DNi}) và doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông với các đối tác nước ngoài (DT_{QTi}) của dịch vụ viễn thông **i**:

$$DT_{VTi} = DT_{NSDi} + DT_{DNi} + DT_{QTi}$$

2. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp được phản ánh thành mục riêng (Phụ lục Bảng kê doanh thu dịch vụ viễn thông quy định tại Thông tư này) trong hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định 25/2011/NĐ-CP.

Điều 4. Doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông

1. Doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông (DT_{NSDi}) là doanh thu phát sinh khi người sử dụng dịch vụ thanh toán cho doanh nghiệp để sử dụng dịch vụ **i** và được xác định như sau:

$$DT_{NSDi} = DT_{HMi} + DT_{TBi} + DT_{TTi}$$

2. Doanh thu giá cước hòa mạng (DT_{HMi}) (nếu có) là doanh thu giá cước phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp cho người sử dụng dịch vụ quyền kết nối vào mạng viễn thông khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp.

3. Doanh thu giá cước thuê bao (DT_{TBi}) (nếu có) là doanh thu giá cước phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp cho người sử dụng dịch vụ khả năng duy trì quyền kết nối vào mạng viễn thông trong một thời gian xác định hoặc kết nối vào mạng viễn thông và sử dụng dịch vụ viễn thông trong một thời gian xác định.

4. Doanh thu giá cước thông tin (DT_{TTi}) (nếu có) là doanh thu giá cước phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp cho người sử dụng dịch vụ khả năng gửi, nhận thông tin (thoại, bản tin nhắn, dữ liệu, hình ảnh) qua mạng viễn thông tính theo thời gian liên lạc (phút, giây), theo lượng thông tin (byte) và theo số lượng gói thông tin (cuộc gọi, bản tin nhắn).

Điều 5. Doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông

1. Thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp là việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp khi mua, bán dịch vụ hoặc kết nối mạng và dịch vụ với doanh nghiệp khác.

2. Doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông (DT_{DNI}) là hiệu số giữa tổng số tiền phải thu (doanh nghiệp có) (T_{DNCi}) và tổng số tiền phải trả (doanh nghiệp nợ) (T_{DNNi}) của doanh nghiệp với doanh nghiệp khác khi thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp đối với dịch vụ i :

$$DT_{DNI} = T_{DNCi} - T_{DNNi}$$

3. Trường hợp khi thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp tổng số tiền phải thu nhỏ hơn tổng số tiền phải trả ($T_{DNCi} < T_{DNNi}$) thì doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông của dịch vụ i sẽ giảm đi tương ứng với số chênh lệch giữa tổng số tiền phải trả và tổng số tiền phải thu.

Điều 6. Doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông với các đối tác nước ngoài

1. Thanh toán quốc tế là việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp khi mua, bán dịch vụ hoặc kết nối mạng và dịch vụ với các đối tác nước ngoài.

2. Doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông với các đối tác nước ngoài (DT_{QTi}) được tính bằng hiệu số giữa tổng số tiền phải thu (doanh nghiệp có) (T_{QTCi}) và tổng số tiền phải trả (doanh nghiệp nợ) (T_{QTNi}) của doanh nghiệp với đối tác nước ngoài khi thanh toán quốc tế đối với dịch vụ i :

$$DT_{QTi} = T_{QTCi} - T_{QTNi}$$

3. Trường hợp khi thanh toán quốc tế tổng số tiền phải thu nhỏ hơn tổng số tiền phải trả ($T_{QTCi} < T_{QTNi}$) thì doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông và đối tác nước ngoài của dịch vụ i sẽ được xác định giá trị là không (0).

Điều 7. Số liệu để tính doanh thu dịch vụ viễn thông

1. Số liệu để tính doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ được xác định như sau:

a) Đối với trường hợp doanh nghiệp xuất hóa đơn cho người sử dụng dịch vụ thì số liệu để tính doanh thu được tổng hợp từ các hóa đơn thanh toán giá cước dịch vụ viễn thông hàng tháng;

b) Đối với trường hợp doanh nghiệp không xuất hóa đơn cho người sử dụng dịch vụ thì số liệu để tính doanh thu là số liệu tính cước hàng tháng được lấy trực tiếp từ hệ thống tính cước của doanh nghiệp.

Hệ thống tính cước của doanh nghiệp là hệ thống thiết bị dùng để thực hiện việc tính cước và in hóa đơn thanh toán giá cước cho người sử dụng dịch vụ viễn thông trên cơ sở các dữ liệu về cuộc gọi được kết xuất hoặc được lấy trực tiếp từ hệ thống thiết bị mạng của doanh nghiệp, các bảng giá cước đang áp dụng và các dữ liệu tính cước có liên quan khác.